

Bản án số: 90/2022/DS-PT

Ngày 28-6-2022

*“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
nhà, đất và vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Thẩm phán: Ông Hồ Văn Phụng;

Bà Tôn Thị Thanh Thúy;

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nghi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Sơn Cuol, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2022/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán nhà, đất và vay tài sản”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST, ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2022/QĐ-PT, ngày 24/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 106/2022/QĐ-PT, ngày 13/6/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 (có mặt).

Địa chỉ: Đường D2, khóm 1, phường 1, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Phạm Minh T2, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

* *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Hồng H, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã T, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Văn Q, Văn phòng Luật sư Nguyễn Trung H, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Đặng Thanh H2, sinh năm 1954 (có mặt).

Địa chỉ: Đường D2, khóm 1, phường 1, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng

** Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị Hồng H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và theo kết quả xét xử sơ thẩm, thì vụ án có nội dung như sau:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:*

Tháng 5/2017 bà T có bán cho bà H một phần đất tổng diện tích 6.726m² trong đó có căn nhà cấp 4 ngang 6.5m, dài 22m tọa lạc ấp L, xã T, thị xã A, tỉnh Sóc Trăng giá tiền 01 tỷ đồng. Bà H gửi trả 04 lần được 930.000.000đ, còn lại 70.000.000đ. Phần tiền nhà, đất mua của bà thì bà H chưa trả đủ, do bà H năn nỉ vợ chồng bà T ký tên cho bà H tách bằng khoán để bà H sang đất cho người khác lấy tiền trả cho bà T nên vợ chồng bà T đã ký tên cho bà H làm bằng khoán. Sau khi bán đất cho người khác tiền thì không trả hết cho bà T, trong khi con bà T cần tiền cất nhà đòi tiền hoài bà H nói không tiền, nên bà H nhờ bà T hỏi vay tiền dùm để lấp vào phần tiền còn thiếu nên bà có hỏi dùm cho bà H 45.000.000đ, tiền nhà, đất còn thiếu 25.000.000đ, cộng với khoản tiền mượn lác nhắc 2.870.000đ, tổng cộng bà H còn thiếu là 72.870.000đ, đòi hoài bà H không trả nên bà T có kêu bà H làm biên nhận thì bà H nói tay đau không viết được nên bà T nhờ con dâu là Nguyễn Ngọc Anh T3 viết biên nhận dùm, bà H đọc lại và ký vào biên nhận. Việc nội dung biên nhận để di út đó là cách xung hô lịch sự theo phong tục của người dân chứ không phải là di với cháu. Còn việc trước đây đơn khởi kiện ghi bà H trả 03 lần số tiền 913.000.000đ, còn lại 72.870.000đ là do cao tuổi, bị bệnh nhiều nên hay quên, hơn nữa cũng đã mấy năm rồi nên nhớ không chính xác. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện của bà T là ông Đặng Thanh H2 yêu cầu bà Phạm Thị Hồng H trả cho bà T số tiền mua nhà đất và tiền hỏi dùm còn thiếu tổng cộng là 72.870.000đ theo biên nhận nợ, rút lại không yêu cầu phần tiền lãi suất.

Theo ý kiến của Luật sư Phạm Minh T2, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng:

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn có điều chỉnh lại một số nội dung và yêu cầu theo đơn khởi kiện là phần tiền mua bán nhà cho bà H với giá 01 tỷ bà H trả 04 lần với số tiền 930.000.000đ, còn nợ lại 70.000.000đ, do cần tiền để cho con bà T cất nhà trong khi bà H chưa trả hết phần tiền mua bán nhà, nên bà H có nhờ bà T hỏi vay dùm số tiền 45.000.000đ để trả phần tiền nhà còn thiếu, cho nên số tiền mua bán nhà còn thiếu là 25.000.000đ, cộng với phần tiền bà H mượn lác nhắc là 2.870.000đ nên số tiền thiếu tổng cộng 72.870.000đ, phía nguyên đơn có yêu cầu bà H viết biên nhận nợ nhưng bà H cho rằng tay đau nên nhờ con dâu tên

là Anh T3 viết dùm có đọc lại cho bà H và bà H tự đọc lại sau đó ký tên vào biên nhận nợ. Bà H cũng thừa nhận việc có thỏa thuận mua bán nhà với giá 01 tỷ đồng như nguyên đơn trình bày đây là tình tiết không cần chứng minh, phía bị đơn cho rằng sau khi mua nhà đất của bà T đã trả tiền nhà đủ cho nguyên đơn nhưng không có căn cứ chứng minh. Việc nguyên đơn khởi kiện có cung cấp chứng cứ thể hiện việc chuyển nhượng, đặt cọc và biên nhận nợ, phía bị đơn cho rằng không có ký tên và có yêu cầu giám định, Tòa án đã tiến hành thủ tục trưng cầu giám định, kết luận giám định xác định chữ viết tên “H” chỗ người nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là do cùng một người viết ra. Do đó, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chỉ yêu cầu yêu cầu bị đơn trả tiền còn thiếu theo biên nhận nợ là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả tiền nhận chuyển nhượng nhà, đất và tiền vay giùm là 72.870.000đ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Phạm Thị Hồng H trình bày:*

Bà có nhận được thông báo bà Nguyễn Thị T khởi kiện bà ra tòa để yêu cầu tòa án buộc bà trả cho bà T số tiền mua nhà còn thiếu lại là 72.870.000đ. Với yêu cầu của bà T bà hoàn toàn phản bác và không chấp nhận vì bà không có thiếu bà T bất kỳ số tiền nào. Còn việc bà T nại ra số tiền bà còn thiếu khi mua nhà là hoàn toàn không đúng sự thật vì phần nhà đất trước đây bà có nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà T với giá 01 tỷ đồng là có nhưng đã trên ba năm khi bà mua nhà, đất của bà T bà đã thanh toán hoàn tất và bà T cũng đã ký chuyển nhượng sang tên cho bà đến nay đã hơn ba năm, việc trả tiền thì không có làm biên nhận. Còn việc bà T nộp cho tòa án một giấy biên nhận đề ngày 03/02/2018 ở phần người nhận nợ ký tên H và ghi tên Phạm Thị Hồng H. Toàn bộ nội dung trong biên nhận và chữ ký, chữ viết H và tên Phạm Thị Hồng H phía dưới là không phải của bà. Nhìn toàn bộ nội dung trong biên nhận này kể cả chữ ký nhìn bằng mắt thường thì cũng biết là do cùng một người viết ra, nhưng không phải là bà viết, bà yêu cầu giám định chữ ký trong tờ biên nhận do bà T cung cấp. Bà khẳng định không chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, bà yêu cầu Tòa án xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và yêu cầu Phòng giám định hình sự Bộ quốc phòng giám định lại chữ viết của bà trên biên nhận nợ do bà T cung cấp.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H, Luật sư Nguyễn Văn Q trình bày:

Việc nguyên đơn khởi kiện cho rằng bà H còn thiếu tiền mua bán nhà là chưa có cơ sở bởi việc mua bán theo lẽ thường thì phải thanh toán xong mới làm giấy chứng nhận, trong trường hợp này bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp tức là bà đã thanh toán xong phía nguyên đơn mới ký tên cho bà H đăng ký quyền sử dụng đất. Việc trình bày nội dung đơn khởi kiện và tại phiên tòa hôm nay là chưa trùng khớp với biên nhận nợ. Về nội dung biên nhận có nội dung di út tức là người nợ này là cháu chứ không phải là bà T, nên cần

phải làm rõ ai là người viết biên nhận nợ và người mà bà T cho rằng hỏi tiền giùm cho bà H là ai. Hơn nữa, biên nhận cũng không thể hiện việc bà H có yêu cầu bà T nhờ hỏi (vay) giùm số tiền 45.000.000đ, phần tiền nợ đất 27.870.000đ là nợ gì cũng không nói rõ là đất này là đất nào ở đâu và bà H không biết chữ nên không thể viết chữ theo như biên nhận mà nguyên đơn cung cấp rõ ràng nhìn bằng mắt thường cũng biết là không phải của bà H, bà H cũng không thừa nhận. Việc mua bán diễn ra từ tháng 5/2017 mà không làm biên nhận mà đến ngày 03/02/2018 mới làm biên nhận là không phù hợp với lẽ thường. Theo kết luận giám định bà H không đồng ý và có yêu cầu giám định lại, để đảm bảo quyền lợi của bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giám định lại của bà H. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa, để trưng cầu giám định lần 2, đối với chữ viết trên biên nhận nợ theo yêu cầu của bà H, làm rõ ai là người viết biên nhận nợ, người cho mượn tiền và xem xét vụ việc có cần thiết phải hòa giải cơ sở không.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đặng Thanh H2 trình bày:*

Ông thống nhất với nội dung khởi kiện của bà T vợ ông, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông đại diện cho bà T có điều chỉnh một số nội dung và yêu cầu khởi kiện. Việc mua bán nhà là ông đứng ra làm thủ tục sang bán cho bà H nhưng nhà của chung vợ chồng ông nên ông để cho bà T khởi kiện. Theo hợp đồng thì thỏa thuận trả tiền làm 03 đợt xong tách bằng khoán nhưng trả mới có một đợt theo biên nhận đặt cọc thì bà H nói kẹt tiền năn nỉ vợ chồng ông ký cho tách bằng khoán cho bà H để bà bán đất cho người khác lấy tiền trả cho vợ chồng ông, vợ chồng ông cũng chịu ký tên tách bằng khoán nhưng bà H trả tiền 04 lần được 930.000.000đ, còn thiếu lại 70.000.000đ, đòi hoài thì bà H nói không có tiền, do lúc đó con ông cần tiền cất nhà nên bà H kêu hỏi dùm để trả tiền cho vợ chồng ông để ông đưa cho con ông nên ông mới hỏi giùm 45.000.000đ giờ bà H nói không có. Việc bà H thiếu tiền nhờ hỏi giùm, cũng như thiếu phần tiền mua bán nhà, tiền mượn lật vật 27.870.000đ, tổng cộng là 72.870.000đ có biên nhận do con dâu ông viết giùm đưa cho bà H ký tên. Nay bà T cao tuổi, bệnh hoài nên yêu cầu bà H phải trả tiền còn thiếu theo biên nhận nợ là 72.870.000đ, bà T không yêu cầu tính tiền lãi.

Sự việc được Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST, ngày 17/02/2022 đã quyết định như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Hồng H trả số tiền 72.870.000đồng (Bảy mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

2/ Buộc bà Phạm Thị Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 72.870.000đồng (Bảy mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phạm Thị Hồng H còn phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu phần tiền lãi suất của bà Nguyễn Thị T đối với bà Phạm Thị Hồng H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28-02-2022, bị đơn Phạm Thị Hồng H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ xét xử lại vụ án theo trình tự thủ tục sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T.

Trong đơn kháng cáo nêu trên, bị đơn H yêu cầu giám định lại chữ ký và chữ viết của bà H trên giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018” tại Đơn vị Phòng khoa học kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H và Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn H, tiếp tục yêu cầu giám định lại chữ ký và chữ viết của bà H trên giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018” tại Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn T không rút đơn khởi kiện, bị đơn H không rút đơn kháng cáo; Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Ý kiến của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

+ *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ và chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung kháng cáo*: Do kháng cáo của bị đơn H không có căn cứ và nguyên đơn T không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn H. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

+ Nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của bị đơn H là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ, được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và tiến hành giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

+ Xét yêu cầu giám định lại của bị đơn H và Luật sư của bị đơn H thì thấy rằng:

- Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn H yêu cầu cấp phúc thẩm trưng cầu: Phòng khoa học kỹ thuật hình sự Bộ quốc phòng giám định lại chữ ký và chữ viết của bà H trên giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018”.

Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã chấp nhận yêu cầu giám định lại của bị đơn H. Ngày 09/5/2022 đã ban hành “Quyết định trưng cầu giám định” số 75/2022/QĐ-TCGD. Đến ngày 17/5/2022 Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Công an có công văn gửi Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, có nội dung:

“Ngày 16 tháng 5 năm 2022, Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng nhận được Quyết định trưng cầu giám định số 75/2022/QĐ-TCGD ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc thực hiện giám định chữ ký, chữ viết.

Sau khi nghiên cứu nội dung Quyết định trưng cầu và căn cứ vào tình hình thực tế về khả năng giải quyết các vụ việc liên quan đến giám định tài liệu của các giám định viên, Phòng Giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng trả lời như sau:

“... Hiện tại các giám định viên của Phòng không thể nhận thêm trưng cầu giám định về chuyên ngành tài liệu do cần phải tập trung vào giám định các vụ việc đã tiếp nhận và đang trong quá trình thực hiện giám định.

Căn cứ theo điểm b, khoản 1, Điều 24 Luật Giám định tư pháp sửa đổi, bổ sung năm 2020, Phòng Giám định KTHS/BQP từ chối thực hiện giám định vụ việc nêu trên”.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H và Luật sư của bị đơn H, tiếp tục yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm trưng cầu Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự - Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh giám định lại chữ ký và chữ viết của bà H trên giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018”. Xét yêu cầu giám định lại của bị đơn H thì thấy rằng:

Khoản 5 Điều 102 của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định về: “Trưng cầu giám định, yêu cầu giám định” trong đó có quy định về yêu cầu giám định lại, cụ thể như sau:

“... 5. Việc giám định lại được thực hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác, có vi phạm pháp luật hoặc trong trường hợp đặc biệt theo quyết định của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của Luật giám định tư pháp.”

Bị đơn H và Luật sư của bị đơn H không chứng minh được kết quả giám định lần đầu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng là không chính xác. Vì vậy, yêu cầu giám định lại của bị đơn H và Luật sư của bị đơn H, không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn H yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, trả hồ sơ xét xử lại vụ án theo trình tự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T. Luật sư của bị đơn H, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn H, vì bị đơn H cho rằng không ký tên vào giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018” do nguyên đơn T cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn T và Luật sư của nguyên đơn T không đồng ý theo nội dung kháng cáo của bị đơn H, vì cho rằng chữ ký trong giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018” là do bị đơn H ký và kết luận giám định của cơ quan chuyên môn đã xác định được nội dung nêu trên.

Xét kháng cáo của bị đơn H và đề nghị của Luật sư của bị đơn H cũng như ý kiến của nguyên đơn T và Luật sư của nguyên đơn T, thì thấy rằng:

Bị đơn H cho rằng không ký tên vào giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018”. Tuy nhiên, nội dung kết luận giám định số 352/PC09-GĐ, ngày 16/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng, kết luận:

“Chữ viết mực màu xanh đen từ “H” mang tên Phạm Thị Hồng H dưới mục “Người nhận nợ” trong Biên nhận, ngày 03/2/2018 trên giấy đôi tập học sinh cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký viết từ “H” của Phạm Thị Hồng H trong các mẫu so sánh (Ký hiệu M1 đến M10 và M12, M14) do cùng một người viết ra”.

Kết quả giám định nêu trên xác định, chữ ký và chữ viết trong giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018” là của bị đơn H.

Nguyên đơn T đã chứng minh được yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn T là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, cấp sơ thẩm buộc bị đơn H phải trả cho nguyên đơn T số tiền nợ còn thiếu 72.870.000đ theo giấy “Biên nhận ngày 03/02/2018” là có căn cứ pháp luật.

Bị đơn H và Luật sư của bị đơn H không chứng minh được kháng cáo của bị đơn H là có căn cứ, trong khi nguyên đơn T không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn H. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn H.

Đề nghị của Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng, phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như các phân tích đã được viện dẫn nêu trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của bị đơn H không được chấp nhận. Vì vậy, bị đơn H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] *Về chi phí giám định lại ở giai đoạn phúc thẩm*: Bị đơn H được nhận lại 5.000.000đ tiền tạm ứng chi phí giám định.

Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Phạm Thị Hồng H.

I - Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2022/DS-ST ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 466 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Hồng H trả số tiền 72.870.000đồng (Bảy mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng).

2/ Buộc bà Phạm Thị Hồng H có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 72.870.000đồng (Bảy mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi ngàn đồng)

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Phạm Thị Hồng H còn phải trả lãi cho bà T theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đình chỉ yêu cầu phân tiền lãi suất của bà Nguyễn Thị T đối với bà Phạm Thị Hồng H.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Phạm Thị Hồng H phải chịu 3.463.500đồng (Ba triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm đồng). Bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí, do bà T thuộc diện miễn tạm ứng án phí nên không đặt ra xem xét xử lý phần tiền tạm ứng án phí.

4/ Về chi phí giám định: bà Phạm Thị Hồng H phải chịu 2.550.000 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng), bà H đã thực hiện xong.

II- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn H phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002575 ngày 01/3/2022 của của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A. Bị đơn H đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

III- Về chi phí giám định lại ở giai đoạn phúc thẩm: Bị đơn Phạm Thị Hồng H được nhận lại 5.000.000đ (năm triệu đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định, theo phiếu thu số 049GD, ngày 09/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải Thi hành án có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Nam Trung